

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v: Tranh chấp về bảo hiểm
xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung

Ông Nguyễn Văn Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2024/TLST-LĐ ngày 19/3/2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-LĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-LĐ ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Khương Thị Ngọc N**, sinh năm 1975 (có mặt);

Nơi cư trú: số 3, ngách 72/10, đường T, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Công ty C;

Trụ sở: số X đường P, phường G, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 - Tổng Giám đốc; Nơi thường trú: thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Bảo hiểm xã hội quận H;**

Trụ sở: số 3, ngõ 4, phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Việt T - Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Khương Thị Ngọc N trình bày: Năm 1998 bà được tuyển dụng

vào làm việc tại Công ty Lắp máy điện nước và xây dựng thuộc Tổng công ty cơ khí xây dựng Bộ Xây dựng theo Hợp đồng lao động ký ngày 14/02/1998. Sau đó giữa bà và công ty có ký tiếp các hợp đồng lao động xác định thời hạn 03 tháng, 05 tháng, 03 năm. Năm 1999 Công ty Lắp máy điện nước và xây dựng đổi tên thành Công ty Xây dựng và lắp máy điện nước số 3. Tháng 4/2004 Công ty Xây dựng và lắp máy điện nước số 3 cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần Xây dựng và lắp máy điện nước số 3. Ngày 01/12/2004 giữa bà và Công ty cổ phần Xây dựng và lắp máy điện nước số 3 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 523/HĐLĐ-CT3. Trong hợp đồng lao động có quy định về tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội của các bên. Năm 2015 Tổng công ty cơ khí xây dựng thoái vốn tại công ty và hiện còn 9,54% vốn điều lệ và đổi tên thành Công ty C.

Trong quá trình làm việc tại công ty, hàng tháng công ty và bà tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo quy định của luật lao động và được Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội cấp sổ bảo hiểm xã hội số 0102016319 ngày 02/5/2002 xác nhận tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty từ tháng 5/1998. Do công ty thường xuyên nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội trong thời gian dài trong đó nợ bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2011 đến tháng 12/2015 dẫn đến tình trạng bà không thể chốt sổ bảo hiểm xã hội (có bảng kê quá trình làm việc chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội được công đoàn công ty xác nhận), mặc dù thời gian từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015 công ty vẫn tính và trừ từ lương của bà theo quy định tỷ lệ % trích nộp bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhưng không nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội quận Hoàng Mai. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty C có trách nhiệm nộp tiền bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015 theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là Công ty C có trụ sở tại số X đường P, phường G, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn là Công ty C tại địa chỉ trên, nhưng không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp vì lý do Công ty C không hoạt động tại địa chỉ trên. Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường G, quận H, thành phố Hà Nội được cung cấp: Tại địa chỉ số X đường P, phường G, quận H, thành phố Hà Nội hiện có treo biển Công ty C, nhưng hiện nay công ty không còn hoạt động tại địa chỉ trên.

Ngày 10/5/2014 Tòa án có công văn số 243/CV-TA gửi Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề nghị cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với Công ty C. Ngày 24/5/2024, Phòng Đăng ký kinh doanh có công văn số 2064/CCTT-ĐKKD cung cấp thông tin Công ty C và gửi kèm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0101038881, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/8/2022 thể hiện người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; ngày 19/4/2024 Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/5/2024 đến ngày 31/12/2024 trên cơ sở hồ sơ tạm ngừng theo đề nghị của doanh nghiệp. Theo cung cấp của Công an xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc: trên địa bàn xã hiện có công dân Nguyễn Văn Q, sinh ngày 20/7/1996, nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty C do ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo pháp luật đã được tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để bị đơn biết những vấn đề cụ thể mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Công ty C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai và tài liệu chứng cứ của Công ty C đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội quận H có văn bản số 612/BHXH-HM ngày 10/6/2024 trình bày như sau: Công ty C (sau đây gọi là đơn vị) đã được đưa vào danh sách đơn vị “ngừng giao dịch” từ tháng 3/2021. Tại thời điểm ngừng giao dịch đơn vị còn chậm đóng số tiền 3.876.323.626 đồng (số tiền chưa bao gồm lãi chậm nộp từ tháng 3/2021 đến nay). Bà Khương Thị Ngọc N, mã số BHXH 0102016319 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại đơn vị đến hết tháng 12/2015. Thời gian đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà N từ tháng 10/2011 đến tháng 12/2015.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Khương Thị Ngọc N đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty C có trách nhiệm nộp tiền bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015 theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý, xác minh, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 6, 47 Bộ luật lao động; Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị Ngọc N, buộc Công ty C phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015 với số tiền chậm đóng là 57.600.980 đồng và tiền lãi chậm đóng phát sinh và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N theo quy định của pháp luật; Về án phí: Công ty C phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Khương Thị Ngọc N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN với Công ty C, có trụ sở tại số X đường P, phường G, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội quận H vắng mặt. Bảo hiểm xã hội quận H có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty C và Bảo hiểm xã hội quận H.

[3] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 14/02/1998 bà Khương Thị Ngọc N ký Hợp đồng lao động với Công ty Lắp máy điện nước và xây dựng thuộc Tổng công ty cơ khí xây dựng Bộ Xây dựng, với thời hạn 3 tháng. Sau đó giữa bà N và công ty có ký tiếp các hợp đồng lao động xác định thời hạn 3 tháng, 5 tháng, 3 năm. Năm 1999 Công ty Lắp máy điện nước và xây dựng đổi tên thành Công ty Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3. Tháng 4/2004 Công ty Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3. Ngày 01/12/2004 giữa bà N và Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (nay được đổi tên là Công ty C) ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 523/HĐLĐ-CT3. Tại Điều 3 của Hợp đồng lao động ký kết giữa hai bên có thỏa thuận về nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động, trong đó có thỏa thuận về: *mức lương chính hoặc tiền công; hình thức trả lương; chế độ nâng lương; bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (người lao động tự đóng 6% tiền lương tháng, người sử dụng lao động đóng cho người lao động 17% tiền lương tháng)*. Xét thấy, hợp đồng lao động được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng lao động có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo bà N trình bày trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng lao động và quy định của pháp luật, cụ thể công ty không đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015 nên bà không thể chốt sổ bảo hiểm xã hội. Do vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty C có trách nhiệm nộp tiền bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015 theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 21 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động: “*Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả số bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật*”. Theo khoản 3 Điều 122 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội: “*Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; nếu không thực hiện thì theo yêu cầu của người có thẩm quyền, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước có trách nhiệm trích từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi của số tiền này vào tài khoản của cơ quan bảo hiểm xã hội*”.

Tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung bởi quyết định 505 ngày 27/3/2020) quy định: “*Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHYT cho người lao động. Trường hợp đơn vị chưa đóng đủ thì xác nhận sổ BHXH đến thời điểm đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN. Sau khi thu hồi được số tiền đơn vị còn nợ thì xác nhận bổ sung trên sổ BHXH*”.

Như vậy, việc Công ty C không nộp tiền đóng bảo hiểm xã hội cho bà Khương Thị Ngọc N là vi phạm quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C không có ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Căn cứ công văn số 612/BHXH-HM ngày 10/6/2024 của Bảo hiểm xã hội quận Hoàng Mai cung cấp cho Tòa án như sau: Bà Khương Thị Ngọc N, sinh ngày 05/10/1975, mã số BHXH 0102016319 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty C đến hết tháng 12/2015. Thời gian Công ty C chậm đóng BHXH, BHYT, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà N từ tháng 10/2011 đến tháng 12/2015. Kèm theo công văn là Bảng tính số phải đóng xác nhận sổ BHXH Công ty C chậm đóng cho bà Khương Thị Ngọc N đến tháng 6/2024 như sau: Số tiền chậm đóng là 57.600.980 đồng, tiền phát sinh lãi chậm đóng là 66.567.979 đồng, tổng số tiền phải đóng là 124.168.959 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 thì: người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo

hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ của người lao động. Do đó, trên cơ sở Bảng tính ngày 10/6/2024 của Bảo hiểm xã hội quận Hoàng Mai, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc Công ty C phải nộp số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho bà N, sổ sổ BHXH: 0102016319 và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015, với tổng số tiền phải đóng là 124.168.959 đồng, trong đó số tiền chậm đóng là 57.600.980 đồng, tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 6/2024 là 66.567.979 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên Công ty C phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà N là người lao động khởi kiện về bảo hiểm xã hội thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 6, Điều 47, Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 86, Điều 89, khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị Ngọc N đối với Công ty C về việc Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty C có nghĩa vụ nộp tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho bà Khương Thị Ngọc N, sổ sổ BHXH 0102016319 tại Bảo hiểm xã hội quận H và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Khương Thị Ngọc N, từ tháng 10/2011 đến hết tháng 12/2015, với tổng số tiền phải đóng là 124.168.959 đồng (Một trăm hai mươi tư triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó số tiền chậm đóng là 57.600.980 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn, chín trăm tám mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến

tháng 6/2024 là 66.567.979 đồng (Sáu mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng).

2. Công ty C còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

3. Về án phí: Công ty C phải chịu số tiền án phí lao động sơ thẩm là 3.725.068 đồng (Ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Bà Khương Thị Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty C, Bảo hiểm xã hội quận H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh